

Bản án số: 32/2026/HNGĐ- ST

Ngày 18/8/2026

“V/v: *Ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâu Văn Chứ và bà Phan Thị Mấy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân
Khu vực 13 - Thanh Hóa;

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Thanh Hóa tham gia
phiên tòa:** Ông Hà Văn Cảnh - Kiểm sát viên;

Vào ngày 18 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 31/2026/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 03 năm 2026 về việc: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2026, Thông báo về việc hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 20/TB-TA ngày 20/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hà Thị M** - Sinh năm: 1992

CCCD số 038192050874 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 10/02/2022.

HKTT: Bản Đuóm, **xã P, tỉnh Thanh Hóa** (Nay là bản H, xã P, tỉnh Thanh Hóa). Vắng mặt. (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 03/7/2026).

- Bị đơn: Anh **Hà Văn S** - Sinh năm: 1987

CCCD số 038087000796 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 02/12/2022

HKTT: Bản Đuóm, **xã P, tỉnh Thanh Hóa** (Nay là bản H, xã P, tỉnh Thanh Hóa). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của đương sự và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Hà Thị M** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh **Hà Văn S** kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện Q,**

tỉnh Thanh Hóa (nay là UBND xã P, tỉnh Thanh Hoá) vào ngày 09/03/2021. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại bản Đuôm xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Đến đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Tuy hai bên gia đình và chính quyền địa phương đã nhiều lần dàn xếp hòa giải nhưng tình hình vẫn không được cải thiện. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2023, không còn quan tâm tới nhau. Đến nay, chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung kéo dài cũng chỉ làm khổ nhau. Nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hà Văn S.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ anh S đến tòa án để làm bản tự khai nhưng anh S vắng mặt nên không có lời khai của anh S trong hồ sơ vụ án. Chị M đề nghị không tiến hành hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng anh S không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh S. Anh S cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chị M đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điều 227, điều 228, điều 238 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh S.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị M được ly hôn anh S. Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng không có con chung nên miễn xét. Về tài sản, công nợ chung: Chị M và anh S không yêu cầu giải quyết nên miễn xét. Về án phí: Chị M được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị **Hà Thị M** và anh **Hà Văn S** đến với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa** (nay là **UBND xã P, tỉnh Thanh Hoá**) vào ngày 09/03/2021 và không vi phạm điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình chung sống đến đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau, dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Vì thế vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023, không còn quan tâm đến nhau. Việc này đã được bố đẻ anh **S**, trưởng bản Đuôm và chính quyền địa phương và xác nhận, phù hợp với nội dung xác minh tình trạng hôn nhân của Tòa án. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị **Hà Thị M** được ly hôn anh **Hà Văn S** để giải phóng người phụ nữ là cần thiết và phù hợp pháp luật.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống chị **M** và anh **S** không có con chung nên miễn xét.

[3] Về tài sản và công nợ: Chị **M** và anh **S** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị **M** là người dân tộc thiểu số (Dân tộc **T**), sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Trả lại cho chị **M** số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 207, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Về hôn nhân: Xử cho chị **Hà Thị M** được ly hôn anh **Hà Văn S**

Án phí: Trả lại cho chị **Hà Thị M** số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị **M** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/26E/0001517 ngày 04/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị **M** và anh **S**. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 13 - Thanh Hóa;
- VKSND T.Thanh Hóa;
- TAND T.Thanh Hóa;
- THADS T.Thanh Hóa;
- UBND X.Phú Lệ, T.Thanh Hoá.
- Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâu Văn Chứ

Hà Văn Dừa

Phạm Văn Hùng